

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TH
TỈNH GIA L

Bản án số: 18/ 2017/ HSST
Ngày 26/ 9/ 2017

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TH TỈNH GIA L

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Đức Ruyệt.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

+ Ông: Đỗ Ngọc Diệp, nghề nghiệp: Giáo viên;

Nơi công tác: Hiệu trưởng Trường THCS Nguyễn Trung Trực, huyện Phú Th, tỉnh Gia L;

+ Ông: Rmah Ết - cán bộ hưu trí;

Trú tại: tổ dân phố 3, thị trấn Phú Th; huyện Phú Th, tỉnh Gia L.

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Ksor H'Duen - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Phú Th, tỉnh Gia L.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Th, tỉnh Gia L tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Tám - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Ia A Ke, huyện Phú Th xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 15/2017/HSST ngày 13 tháng 9 năm 2017, đối với các bị cáo:

1. Siu Đ, sinh ngày: 12/9/1999; tại Phú Th, Gia Lai; trú tại: tổ dân phố 14, Thị trấn Phú Th, huyện Phú Th, tỉnh Gia L; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 01/12; con bà Siu H'Bru; tiền sự: Không.

Tiền án: Tại bản án số: 33/2016/HSST ngày 06/12/2016 của Tòa án nhân dân huyện Phú Th, tỉnh Gia L xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng về tội trộm cắp tài sản.

Bị bắt tạm giữ - tạm giam từ ngày 24/7/2017 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

2. A đrong, sinh ngày: 21/8/1998; tại Phú Th, Gia Lai; trú tại: tổ dân phố 21, Thị trấn Phú Th, huyện Phú Th, tỉnh Gia L; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 6/12; con ông Nay Ngít (đã chết) và bà Adrong H'Bin, sinh năm 1979; tiền án - tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ - tạm giam từ ngày 05/6/2017 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

3. Siu J; sinh ngày: 10/7/1998; tại Phú Th, Gia Lai; trú tại: tổ dân phố 21, Thị trấn Phú Th, huyện Phú Th, tỉnh Gia L; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: không; con ông Ksor Lơ, sinh năm 1972 và bà Siu H'Choar, sinh năm 1971; tiền án - tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ - tạm giam từ ngày 05/6/2017 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

4. Siu M; sinh năm: 1997; tại Phú Th, Gia Lai; trú tại: tổ dân phố 14,

Thị trấn Phú Th, huyện Phú Th, tỉnh Gia L; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: không; con ông Ksor Thiểu, sinh năm 1970 và bà Siu H'Anh, sinh năm 1974; tiền án - tiền sự: Không.

Bị bắt tạm giữ - tạm giam từ ngày 31/5/2017 đến nay. Có mặt tại phiên tòa.

5. Siu Th; sinh ngày: 16/9/1999; tại: Phú Th, Gia Lai; trú tại: tổ dân phố 14, Thị trấn Phú Th, huyện Phú Th, tỉnh Gia L; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 03/12; con ông Rlan Úy, sinh năm 1963 và bà Siu H'Tên, sinh năm 1968; tiền án - tiền sự: không; Hiện bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị hại:*

+ Ông R ô Buh, sinh năm: 1973.

Trú tại: tổ dân phố 3, Thị trấn Phú Th, huyện Phú Th, Gia L; có mặt.

+ Anh Rmah Trup, sinh năm: 1988 và bà Nay H,Bo, sinh năm: 1988;

Trú tại: thôn Plei Ksing A, xã Ia Piar, huyện Phú Th, Gia L; có mặt.

+ Anh Ksor Rven, sinh năm: 1986;

Trú tại:thôn Plei Kte lớnA, xã Ia Yeng, huyện Phú Th, Gia L; vắng mặt

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

+ Anh Ksor Ngiu, sinh năm: 2002; có ông Rmah Kơ Ny, sinh năm: 1980 là người bảo vệ quyền lợi cho Ksor Ngiu;

Đều trú tại: tổ dân phố 21, thị trấn Phú Th, Phú Th, Gia L; có mặt.

+ Anh Ksor Cui, sinh năm: 2002; có ông Siu Chao, sinh năm: 1962 là người bảo vệ quyền lợi cho Ksor Cui;

Đều trú tại: tổ dân phố 21,thị trấn Phú Th, Phú Th, Gia L; vắng mặt.

+ Anh Siu Suất, sinh năm: 2003; có ông Ksor Ổn là người bảo vệ quyền lợi cho Siu Suất;

Đều trú tại: tổ dân phố 21, thị trấn Phú Th, Phú Th, Gia L; có mặt.

+ Anh Phạm Văn Luận, sinh năm: 1987;

Trú tại:tổ dân phố 10, Thị trấn Phú Th, huyện Phú Th, Gia L; có mặt.

+ Anh Lê Văn Chương, sinh năm: 1995;

Trú tại: tổ dân phố 17, thị trấn Phú Th, Phú Th, Gia L; vắng mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Siu Đ và Siu Th:* có bà Ngô Thị Vân - Trợ giúp viên pháp lý của TrUg tâm trợ giúp Pháp lý nhà nước tỉnh Gia L.

Địa chỉ: 04 Lê Thánh Tôn, phường Ia Gring; TP. Pleiku, tỉnh Gia L.

- *Người phiên dịch tiếng Jrai:* Ông Rcom Pu; có mặt.

Trú tại: Tổ dân phố 15, Thị trấn Phú Th, huyện Phú Th, tỉnh Gia L.

NHẬN THẤY:

Bị cáo Siu Đ cùng đồng bọn bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Th, tỉnh Gia L truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 18giờ ngày 09/5/2017, Ksor Ngiu, A drong và Siu J ngồi nhậu với nhau tại nhà Ma Thảo ở tổ dân phố 21; đến khoảng 20giờ thì Ngiu rủ U và J về rầy nhà Ngiu, trên đường về đi tìm xe mô tô trộm cắp để làm phương tiện đi lại thì U và J đồng ý; khi đến khu vực bãi sỏi thuộc thôn Nam Hà, xã Ia Ake, thì Ngiu phát hiện dưới gầm sàn nhà ông Rơ ôBuh dựng 01xe mô tô BKS: 81N1-7881 loại xe Sirius, nhãn hiệu Yamaha, màu đen-đỏ, lúc này J đứng ngoài cảnh giới, còn

Ngiu và U lén lút vào trong đất xe ra ngoài khoảng 50m, thì U dùng tay bẻ gãy yếm chắn gió nối dây điện để khởi động xe; sau đó J điều khiển xe chở cả bọn vào rẫy nhà Ngiu ngủ; sáng hôm sau cả bọn tháo yếm chắn gió, đèn chiếu sáng, ốp nhựa và biển kiểm soát, rồi cất giấu tại chòi rẫy nhà Ngiu. Đến ngày 13/5/2017 Ngiu và U mang xe trộm được ra tiệm Honda của anh Phạm Văn Bình ở tổ dân phố 17, thị trấn Phú Th sửa rồi hẹn khi nào có tiền sẽ quay lại lấy xe, sau đó cả hai đi về nhà.

Tại Kết luận định giá tài sản số 04/KL-ĐGTS ngày 12/5/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Phú Th kết luận giá trị của chiếc xe mô tô BKS: 81N1-7881 là 7.000.000đồng.

Vật chứng vụ án: Cơ quan điều tra thu giữ 01xe mô tô biển kiểm soát 81N1-7881và đã trả lại cho ông Rơ ôBuh là chủ sở hữu hợp pháp.

Về dân sự: Ông Buh yêu cầu các bị can bồi thường 4.000.000đồng chi phí sửa xe; U và J đồng ý bồi thường mỗi người 2.000.000đồng (không yêu cầu Ngiu bồi thường chUg). Nhưng hiện tại các bị can chưa bồi thường.

Quá trình điều tra Cơ quan điều tra còn xác định A drong và Ksor Ngiu còn thực hiện 01vụ trộm cắp tài sản khác như sau:

Khoảng 20giờ ngày 05/5/2017, U cùng Ngiu và Siu Suất đi nhậu ở quán ven đường tại quảng trường thị trấn Phú Th; đến khoảng 21giờ cả bọn đi về nhà Suất, còn Ngiu và U đi bộ về nhà thì Ngiu rủ U tìm xe mô tô trộm cắp bán lấy tiền tiêu xài thì U đồng ý, Ngiu quay lại nhà Suất nhờ chở đi có công việc thì Suất đồng ý, Suất điều khiển xe mô tô của gia đình chở Ngiu và U đi vào đường liên thôn thuộc thôn Plei Ksing A, xã Ia Piar thì Ngiu phát hiện dưới gầm sàn nhà anh Rmah Trup 01 xe mô tô BKS: 81T4-6211 không có người trông coi, thấy vậy Ngiu nói Suất dừng xe để Ngiu và U xuống rồi nói Suất đi về, sau đó Ngiu nói U đứng ở ngoài cảnh giới, Ngiu lén đi vào đất xe ra ngoài, khi đẩy xe ra ngoài đường được khoảng 20m, Ngiu đấu dây điện khởi động xe chở U về nhà Mí Phương tại tổ dân phố 21, thị trấn Phú Th thì gặp Siu Đ cùng một số người đang ngồi nhậu, Ngiu và U vào nhậu cùng rồi ngủ tại nhà Mí Phương; sáng hôm sau Ngiu nhờ Đe mang xe vừa trộm cắp đi cầm cố, thì Đe hỏi “Xe bọn mày ăn trộm phải không” thì Ngiu trả lời là “ừ”, biết là xe trộm cắp nhưng Đe vẫn đồng ý mang đi cầm cố, để tránh bị phát hiện Đe điều khiển xe về nhà mình tại tổ dân phố 14, thị trấn Phú Th tháo BKS: 81T4-6211 ra và thay BKS: 81L1-005.62 (Đe nhặt được ở ngoài đường) sau đó điều khiển xe đến tiệm Hon da của anh Phạm Văn Luận ở tổ dân phố 10, thị trấn Phú Th và nói với anh Luận cầm xe để lấy tiền đi Pleiku. Do quen biết Đe nên anh Luận không hỏi giấy tờ xe và đồng ý cho Đe cầm xe với giá 1.500.000đồng, số tiền trên Đe đã tiêu xài hết.

Tại Kết luận định giá tài sản số 12/KL-ĐGTS ngày 06/7/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Phú Th kết luận giá trị của chiếc xe mô tô BKS: 81T4-6211 là 5.500.000đồng.

Vật chứng vụ án: Cơ quan điều tra thu giữ 01xe mô tô biển kiểm soát BKS: 81T4-6211 và 01 BKS: 81L1-005.62 và đã trả lại cho ông Rmah Trup là chủ sở hữu hợp pháp. Riêng đối với BKS: 81L1-005.62 (Đe nhặt được) hiện chưa xác

định được chủ sở hữu, nên Cơ quan điều tra đã giao lại cho đội Cảnh sát giao thông huyện Phú Th để xác minh và xử lý theo quy định.

Về dân sự: ông Trup yêu cầu các bị can bồi thường 3.000.000đồng chi phí sửa xe, U và Đe đồng ý bồi thường mỗi người 1.500.000đồng (không yêu cầu Ngui bồi thường chUg). Nhưng hiện tại các bị can chưa bồi thường.

Anh Phạm Văn Luận đã đưa cho Đe 1.500.000đồng tiền cầm cố xe anh Luận không yêu cầu Đe phải trả lại số tiền trên.

Quá trình điều tra còn xác định Siu Đ và đồng bọn còn thực hiện 01 vụ trộm cắp tài sản khác như sau:

Đêm ngày 07/5/2017, Siu Đ, Siu M, Siu Th, Siu Suất và Ksor Cui ngồi uống rượu tại nhà ThU ở tổ dân phố 21, thị trấn Phú Th; trong khi uống rượu Đe nói nhỏ vào tai M, ThU và Cui đi vào xã IaYeng trộm cắp xe mô tô làm phương tiện đi lại thì cả bọn đồng ý. Đến khoảng 00giờ ngày 08/5/2017, Đe nhờ Suất chở cả bọn vào xã IaYeng tìm xe trộm cắp, Suất có hỏi “đi làm gì” thì Đe nói “mày cứ chở đi đi” thì Suất đồng ý; khi đi đến đầu làng thôn Plei Kte Lớn A, xã IaYeng thì cả bọn xuống xe, còn Suất đi về. riêng Đe, M, ThU và Cui đi bộ vào làng tìm xe trộm cắp; khi đi được khoảng 30m cả bọn phát hiện 01xe mô tô BKS: 81T4-0164 của anh Ksor Rven dựng dưới gầm sàn nhà, chìa khóa vẫn cắm ở ổ khóa điện, Đe và Cui đứng ngoài cảnh giới, M và ThU lén lút vào dắt xe ra ngoài được khoảng 20m, thì M khởi động xe chở cả bọn về nhà ThU ngủ; sáng hôm sau Đe tháo biển số xe ra và sử dụng làm phương tiện đi lại.

Tại Kết luận định giá tài sản số 06/KL-DGTS ngày 19/5/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự huyện Phú Th kết luận trị giá của chiếc xe mô tô BKS: 81T4-0164 là 10.000.000đồng.

Vật chứng vụ án: Cơ quan điều tra thu giữ 01xe mô tô BKS:81T4-0164, nhãn hiệu Yamaha, Sirius màu xám đen và đã trả lại cho anh Ksor Rven là chủ sở hữu hợp pháp.

Về dân sự: anh Rven không có yêu cầu gì về dân sự.

Xác định giá trị chiếm đoạt các lần trộm cắp của các bị can như sau:

Siu Đ trộm cắp 01vụ, 01vụ Tiêu thụ trị giá là 10.000.000đ + 5.500.000đ = 15.500.000đồng. A drong trộm cắp 02 vụ trị giá là: 7.000.000đ + 5.500.000đ = 12.500.000đồng. Siu J trộm cắp 01vụ trị giá là: 7.000.000đồng. Siu M và Siu Th trộm cắp 01vụ trị giá là:10.000.000đồng.

Tại bản cáo trạng số: 15/CT-VKS ngày 13/9/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Th, tỉnh Gia L truy tố:

- Siu Đ về tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 138 và khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự.

- A drong, Siu J, Siu M và Siu Th về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Th, tỉnh Gia L đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 1 Điều 138 và khoản 1 Điều 250; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 50; 51; 53; khoản 5 Điều 60; Điều 69;74 Bộ luật hình sự đối với Siu Đ;

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 53 Bộ luật hình sự đối với A drong, Siu J.

Áp dụng thêm điểm g, khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự đối với A drong.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p, h khoản 1 Điều 46; Điều 53 Bộ luật hình sự đối với Siu M và Siu Th.

Áp dụng thêm Điều 69;74 Bộ luật hình sự đối với Siu Th;

Xử phạt: bị cáo Siu Đ từ 16 đến 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” và từ 09 đến 12 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Tổng hợp hình phạt của nhiều bản án; đề nghị Hội đồng xét xử, xử phạt Siu Đ mức án từ 34 đến 39 tháng tù;

Các bị cáo A drong từ 16 đến 18 tháng tù; Siu J từ 12 đến 16 tháng tù; Siu M từ 10 đến 12 tháng tù và Siu Th U từ 10 đến 12 tháng tù.

Về dân sự: anh Luận đưa cho Đe 1.500.000đ do cầm cố xe mà có, anh Luận không yêu cầu Đe phải trả lại, nên căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự và điểm c khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự; buộc Đe phải nộp lại số tiền trên để sUg công quỹ nhà nước.

Căn cứ vào Điều 42 của Bộ luật hình sự; Điều 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 584, 585, 586, 587, 589 của Bộ luật Dân sự; ghi nhận sự thỏa thuận của các bị cáo và những người bị hại về việc bồi thường tiền sửa chữa xe.

Tại phiên tòa bà Ngô Thị Vân phát biểu; việc truy tố, xét xử các bị cáo về tội danh và điều luật là hoàn toàn đúng theo quy định của pháp luật tôi không có ý kiến gì; nhưng đề nghị Hội đồng xem xét cho các bị cáo Siu Đ và Siu Th khi phạm tội đều là tuổi vị thành niên, các bị cáo tham gia với vai trò đồng phạm giản đơn, tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tự nguyện thỏa thuận sửa chữa xe khắc phục hậu quả, đều là người dân tộc thiểu số nên nhận thức còn nhiều hạn chế;

Đối với Siu Đ, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 69; Điều 74 của Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Siu Đ 05 tháng tù về tội trộm cắp tài sản và 05 tháng tù về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

Đối với Siu Th phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhân thân tốt, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 47; Điều 60; Điều 69; Điều 74 của Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Siu Th 05 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thử thách 12 tháng.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra và kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, ý kiến của người bào chữa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa, các bị cáo đều thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, có đủ cơ sở khẳng định:

Ngày 09/5/2017 Ksor Ngiu rử A drong và Siu J trộm 01xe mô tô BKS:

81N1-7881 nhà ông Rơ ô Buh ở tổ dân phố 3, thị trấn Phú Th, trị giá của chiếc xe là 7.000.000đồng.

Ngày 05/5/2017 Ngiu rử U trộm 01xe mô tô BKS: 81T4-6211 nhà anh Rmah Trup ở thôn Plei Ksing A, xã Ia Piar trị giá của chiếc xe là 5.500.000đồng. Sau khi trộm cắp được Ngiu nhờ Siu Đ mang xe đi cầm cố, thì Đe hỏi “Xe bọn mày ăn trộm phải không” thì Ngiu trả lời là “ừ”, biết xe trộm cắp nhưng Đe vẫn điều khiển xe về nhà mình tại tổ dân phố 14, thị trấn Phú Th tháo BKS:81T4-6211 ra và thay BKS: 81L1-005.62 sau đó điều khiển xe đến tiệm của anh Phạm Văn Luận ở tổ dân phố 10, thị trấn Phú Th cầm xe được 1.500.000đồng, số tiền trên Đe đã tiêu xài hết.

Ngày 07/5/2017, Siu Đ rử Siu M, Siu Th, Ksor Cui trộm 01xe mô tô BKS: 81T4-0164 nhà anh Ksor Rven ở thôn Plei Kte Lớn A, xã IaYeng, trị giá của chiếc xe là 10.000.000đồng.

Như vậy hành vi của các bị cáo Siu Đ; A drong; Siu J; Siu M và Siu Th và đã phạm vào tội Trộm cắp tài sản được quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự; hành vi của Siu Đ đã phạm vào tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có được quy định tại khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự.

Hành vi trộm cắp tài sản của Siu Đ; A drong; Siu J; Siu M và Siu ThU; riêng đối với Siu Đ dù biết tài sản trộm cắp nhưng vẫn mang đi tiêu thụ - cầm cố để lấy tiền tiêu xài. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, hành vi đó gây ảnh hưởng xấu đến trật tự công cộng, cũng như tình hình trật tự an toàn xã hội ở địa phương, gây tâm lý hoang mang lo lắng của người dân trong việc bảo quản tài sản hợp pháp của mình; vì vậy các bị cáo phải chịu trách nhiệm trước pháp luật đối với hành vi phạm tội của mình.

Xét vụ án có nhiều người cùng tham gia, nhưng giữa các bị cáo không có sự câu kết chặt chẽ, không phân công vai trò trách nhiệm cho từng bị cáo; vì vậy đây chỉ là vụ án đồng phạm giản đơn; nhưng cần xem xét đánh giá tính chất, mức độ tham gia thực hiện hành vi phạm tội của từng bị cáo:

Đối với Siu Đ đã có tiền án về tội trộm cắp, trong thời gian thử thách chấp hành án là 09 tháng tù cho hưởng án treo, nhưng Đe không lấy đó làm bài học để tu dưỡng rèn luyện trở thành người có ích cho gia đình và xã hội; mặc dù biết rõ tài sản trộm cắp mà có, nhưng bị cáo vẫn mang đi tiêu thụ - cầm cố để lấy tiền tiêu xài cho bản thân; hơn nữa bị cáo còn rủ rê đồng bọn trộm cắp 01xe mô tô của anh Rven có giá trị là 10.000.000đồng; hành vi của bị cáo Đe thuộc trường hợp tái phạm; vì vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm chính trong vụ án, nên cần lên cho bị cáo mức án thật nghiêm khắc so với các bị cáo khác; đồng thời bị cáo còn phải chịu hình phạt của bản án trước trong thời gian thử thách, phạm tội mới do cố ý. Nhưng xét tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội khi còn đang ở tuổi vị thành niên, là người dân tộc thiểu số nên nhận thức về pháp luật còn hạn chế, đã tự nguyện thỏa thuận sửa chữa xe khắc phục hậu quả, tài sản đã thu hồi trả lại người bị hại; nên cần xem xét khi lượng hình cho bị cáo.

Đối với A drong khi đồng bọn rủ đi trộm cắp thì đồng ý ngay, bị cáo là người tham gia rất tích cực; năm 2015 bị Tòa án huyện Phú Th xử phạt 06 tháng

tù cho hưởng án treo về tội Trộm cắp tài sản; theo điểm b khoản 1 Điều 107 Bộ luật hình sự; nghị quyết 41 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, để áp dụng theo hướng có lợi cho bị cáo, nên bị cáo được coi là không có án tích, nhưng bị cáo không lấy đó để rèn luyện trở thành người có ích cho gia đình và xã hội, trong vụ án này bị cáo tham gia trộm 2 lần, nên phải chịu trách nhiệm hình sự là phạm tội nhiều lần. Vì vậy cần lên cho bị cáo mức án nghiêm khắc; nhưng xét tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, là người dân tộc thiểu số nên nhận thức về pháp luật còn hạn chế, tại phiên tòa người bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, đã tự nguyện thỏa thuận sửa chữa xe khắc phục hậu quả, tài sản đã thu hồi trả lại người bị hại; nên cần xem xét cho bị cáo khi lượng hình.

Đối với Siu J có nhân thân xấu, năm 2015 bị Tòa án huyện Phú Th xử phạt 08 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản; theo điểm b khoản 1 Điều 107 Bộ luật hình sự; nghị quyết 41 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, để áp dụng theo hướng có lợi cho bị cáo, nên bị cáo được coi là không có án tích, nhưng khi nghe đồng bọn rủ đi trộm cắp tài sản cũng đồng ý, bị cáo là người giúp sức để đồng bọn thực hiện hành vi phạm tội; nên bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi do mình gây ra; xét cho bị cáo đã tự nguyện thỏa thuận sửa chữa xe khắc phục hậu quả, tài sản đã thu hồi trả lại người bị hại; tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, là người dân tộc thiểu số nên nhận thức về pháp luật còn hạn chế; người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên cần xem xét cho bị cáo khi lượng hình.

Đối với Siu M, khi Đe rủ đi trộm cắp bị cáo không can ngăn mà lại đồng ý ngay và tham gia tích cực, bị cáo trực tiếp vào dắt xe để trộm cắp; nên bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi do mình gây ra; nhưng xét cho bị cáo chưa có tiền án tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã tự nguyện thỏa thuận sửa chữa xe khắc phục hậu quả, tài sản đã thu hồi trả lại người bị hại, tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, là người dân tộc thiểu số nên nhận thức về pháp luật còn hạn chế, nên cần xem xét cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

Đối với Siu Th, năm 2015 bị Công an huyện Phú Th xử phạt hành chính bằng hình thức Cảnh cáo về hành vi Trộm cắp tài sản, nhưng khi Đe rủ đi trộm cắp thì bị cáo không can ngăn mà đồng ý ngay và tham gia rất tích cực, bị cáo trực tiếp vào dắt xe để trộm cắp, nên cần xử phạt mức án tương đương với hành vi phạm tội của bị cáo. Tuy nhiên xét bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, phạm tội khi còn đang ở tuổi vị thành niên, tài sản đã thu hồi trả lại cho người bị hại, tự nguyện thỏa thuận sửa chữa xe khắc phục hậu quả, quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, là người dân tộc thiểu số nên nhận thức về pháp luật còn nhiều hạn chế; cũng cần xem xét cho bị cáo khi quyết định hình phạt.

Đối với Ksor Cui và Ksor Ngiu, khi thực hiện hành vi phạm tội đều chưa đủ 16 tuổi, nên Cơ quan điều tra đã xử phạt Hành chính bằng hình thức “Cảnh cáo” đối với Cui và Ngiu, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

Đối với anh Lê Văn Chương và anh Phạm Văn Luận đều không biết xe các bị cáo mang đến sửa và cầm cố là tài sản trộm cắp Cơ quan điều tra không đề cập xử lý hình sự, nên Hội đồng xét xử không xem xét đề cập đến.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tranh luận tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quyết định truy tố, mức án đề nghị và án phí phải chịu theo quy định, nên Hội đồng xét xử sẽ xem xét.

Xét đề nghị của bà Vân - Trợ giúp viên pháp lý là người bào chữa cho bị cáo Siu Đ và Siu Th; Hội đồng xét xử sẽ xem xét.

Về tang vật vụ án: Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Th đã trả lại tài sản cho những người bị hại là chủ sở hữu hợp pháp, việc trả tài sản không ảnh hưởng đến quá trình xử lý vụ án, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

Về dân sự: Quá trình điều tra, các bị cáo và người bảo vệ quyền lợi cho các bị cáo đã tự nguyện thỏa thuận việc bồi thường sửa chữa xe, do các bị cáo làm hư hỏng xe của người bị hại; việc thỏa thuận của các bên đúng với giá cả tại thời điểm thỏa thuận; xét việc thỏa thuận là phù hợp với các quy định của pháp luật không trái đạo đức xã hội, tại phiên tòa không ai có yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự;

Căn cứ theo điểm f khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, thì các bị cáo không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về phần bồi thường dân sự.

Anh Phạm Văn Luận đưa cho Đe 1.500.000đ do cầm cố xe mà có, anh Luận không yêu cầu Đe phải trả lại, Hội đồng xét xử buộc Đe phải nộp lại số tiền trên để sUg công quỹ nhà nước. Riêng anh Luận không có yêu cầu gì về số tiền trên, nên Hội đồng xét xử không xem xét đề cập đến.

Anh Ksor Rven đã nhận lại xe mô tô và không có yêu cầu gì về dân sự, nên Hội đồng xét xử không xem xét đề cập đến.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: - Bị cáo **Siu Đ** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” và tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

- Các bị cáo **A drong, Siu J, Siu M** và **Siu Th** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 138 và khoản 1 Điều 250; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 50; 51; 53; khoản 5 Điều 60; Điều 69; 74 Bộ luật hình sự đối với Siu Đ;

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 53 Bộ luật hình sự đối với A drong, Siu J.

Áp dụng thêm điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự đối với A drong.

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p, h khoản 1 Điều 46; Điều 53 Bộ luật hình sự đối với Siu M và Siu Th.

Áp dụng thêm Điều 69; 74 Bộ luật hình sự đối với Siu Th;

Xử phạt bị cáo:

- **Siu Đ** 18 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”; 09 tháng tù về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”; Tổng hợp hình phạt 09 tháng tù của bản án số: 33/2016/HSST ngày 06/12/2016 của Tòa án huyện Phú Th, buộc bị cáo **Siu Đ** phải chấp hành hình phạt chUg của hai bản án là 36(*Ba sáu*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 24/7/2017);

- **A drong** 16 (*Mười sáu*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 05/6/2017);

- **Siu J** 12 (*Mười hai*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 05/6/2017);

- **Siu M** 10 (*Mười*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (ngày 31/5/2017);

- **Siu Th** 10 (*Mười*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng Điều 42 của Bộ luật hình sự; Điều 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 584, 585, 586, 587, 589 của Bộ luật dân sự; Ghi nhận sự thỏa thuận; Buộc:

- Bị cáo **A drong** và **Siu J** phải liên đới bồi thường cho ông R ô Buh số tiền: 4.000.000đ (Bốn triệu đồng), “*Mỗi bị cáo 2.000.000đ (Hai triệu đồng)*”.

- Bị cáo **A drong** và **Siu Đ** phải liên đới bồi thường cho ông Rmah Trup số tiền: 3.000.000đ (Ba triệu đồng), “*Mỗi bị cáo 1.500.000đ (Một triệu năm trăm ngàn đồng)*”.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, hàng tháng người phải thi hành án (bên có nghĩa vụ) chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, được quy định theo Điều 357 Bộ luật dân sự.

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự và điểm c khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự;

Buộc **Siu Đ** phải nộp 1.500.000đ (*Một triệu năm trăm ngàn đồng*) để sUg công quỹ nhà nước.

Áp dụng khoản 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự;

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016;

Buộc: các bị cáo **Siu Đ**, **A drong**, **Siu J**, **Siu M** và **Siu Th** mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (26/9/2017) bị cáo; người bị hại; người bào chữa có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình; riêng đối với người bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo phần bản án liên quan trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của mình, trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết công khai bản án tại Ủy ban nhân dân xã phường nơi cư trú, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia L xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

-Tòa án tỉnh;
-VKS.H.Phú Th;
-Công an huyện;
-Chi cục THA huyện;
-Các bị cáo;
-Người TGT;
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Đức Ruyết